

Số: **10**/2023/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày **12** tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo
trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHÓA XIX - KỲ HỌP THỨ 11 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu
quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân
sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương
trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

Căn cứ Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 18/TTr-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2025; Báo cáo thẩm tra số 43/BC-BVHXH ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ nhà ở bao gồm xây mới và sửa chữa, nâng cấp nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2025.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Hộ nghèo đang cư trú tại các huyện: Yên Bình, Lục Yên, Trấn Yên, Văn Yên, Văn Chấn; thị xã Nghĩa Lộ và thành phố Yên Bái được xác định có khó khăn về nhà ở.

b) Hộ nghèo đang cư trú trên địa bàn huyện Trạm Tấu, huyện Mù Cang Chải được xác định có khó khăn về nhà ở; hộ cận nghèo đang cư trú trên địa bàn huyện Trạm Tấu, huyện Mù Cang Chải được xác định có khó khăn về nhà ở đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ nhà ở theo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

c) Cơ quan, đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2025.

Điều 2. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Mỗi hộ gia đình thuộc đối tượng hưởng hỗ trợ chỉ được hỗ trợ một lần trong giai đoạn 2023-2025.

b) Thực hiện chính sách hỗ trợ đúng quy định, đảm bảo đúng đối tượng, công khai, dân chủ, công bằng, minh bạch và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Lồng ghép các nguồn vốn: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác để hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

d) Bảo đảm nguyên tắc Nhà nước hỗ trợ theo phương thức trực tiếp một phần, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tự tổ chức xây dựng nhà ở. Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, không thể tự tổ chức làm nhà: Địa phương nơi đối tượng cư trú có trách nhiệm huy động các nguồn lực để tổ chức làm nhà cho các đối tượng.

2. Điều kiện hỗ trợ

Hộ gia đình được hỗ trợ nhà ở phải đảm bảo đủ điều kiện sau:

a) Thuộc đối tượng quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này, đã được cấp có thẩm quyền rà soát, xác định và phê duyệt danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022.

b) Chưa có nhà hoặc có nhà ở thuộc loại không bền chắc theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

c) Chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội khác.

d) Thửa đất dự kiến làm nhà mới hoặc sửa chữa, nâng cấp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc được cấp có thẩm quyền xác nhận nằm trong quy hoạch đất ở, đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở (trong trường hợp chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Điều 3. Mức hỗ trợ

1. Đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này

a) Hộ đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Hỗ trợ thêm 10 triệu đồng/nhà xây mới (ngoài phần kinh phí hỗ trợ 40 triệu đồng/nhà từ ngân sách trung ương theo quy định của chương trình).

b) Hộ không thuộc diện được hỗ trợ tại điểm a, khoản 1 Điều này:

- Hỗ trợ 50 triệu đồng/nhà xây mới;
- Hỗ trợ 25 triệu đồng/nhà sửa chữa, nâng cấp.

2. Đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này

a) Hộ đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Hỗ trợ thêm 20 triệu đồng/nhà xây mới (ngoài phần kinh phí hỗ trợ 40 triệu đồng/nhà từ ngân sách trung ương theo quy định của chương trình).

b) Hộ đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025:

- Hỗ trợ thêm 20 triệu đồng/nhà xây mới (ngoài phần kinh phí hỗ trợ 40 triệu đồng/nhà từ ngân sách trung ương theo quy định của chương trình);
- Hỗ trợ thêm 10 triệu đồng/nhà sửa chữa, nâng cấp (ngoài phần kinh phí hỗ trợ 20 triệu đồng/nhà từ ngân sách trung ương theo quy định của chương trình).

c) Đối với hộ không thuộc diện được hỗ trợ tại điểm a, điểm b, khoản 2 Điều này:

- Hỗ trợ 60 triệu đồng/nhà xây mới;
- Hỗ trợ 30 triệu đồng/nhà sửa chữa, nâng cấp.

3. Trường hợp nhà tài trợ đề nghị hỗ trợ toàn bộ kinh phí nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo mức hỗ trợ cao hơn mức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì thực hiện theo đề nghị của nhà tài trợ.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí hỗ trợ nhà ở quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ nguồn vốn ngân sách tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện, định kỳ hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XIX - Kỳ họp thứ 11 (chuyên đề) thông qua ngày 12 tháng 4 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 22 tháng 4 năm 2023./.

Nơi nhận: *H2*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục kiểm tra Văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh (tự kiểm tra văn bản);
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Yên Bái; Công TTĐT;
- Lưu: VT, VHXX.

CHỦ TỊCH



Tạ Văn Long